

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGẮN KQKD Q3/2024

CTCP TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG | SKG (HOSE)

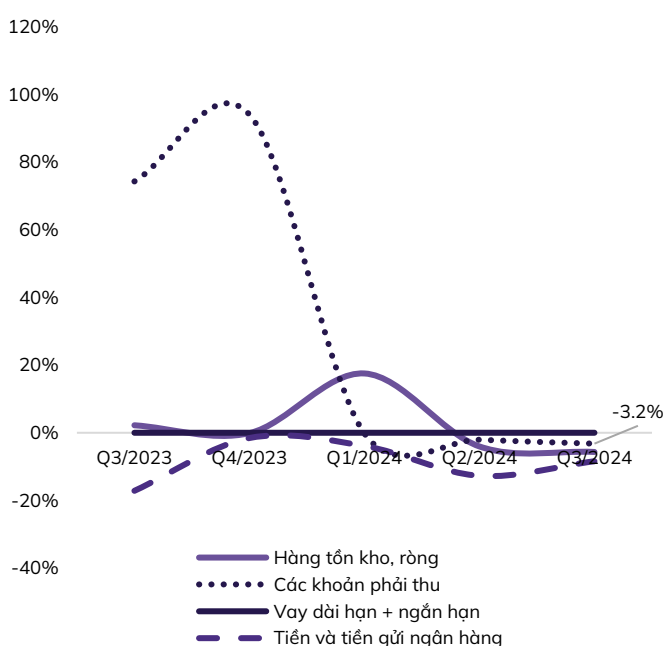
Ngày 06/01/2025

Analyst: Nguyễn Thị Kỳ Duyên

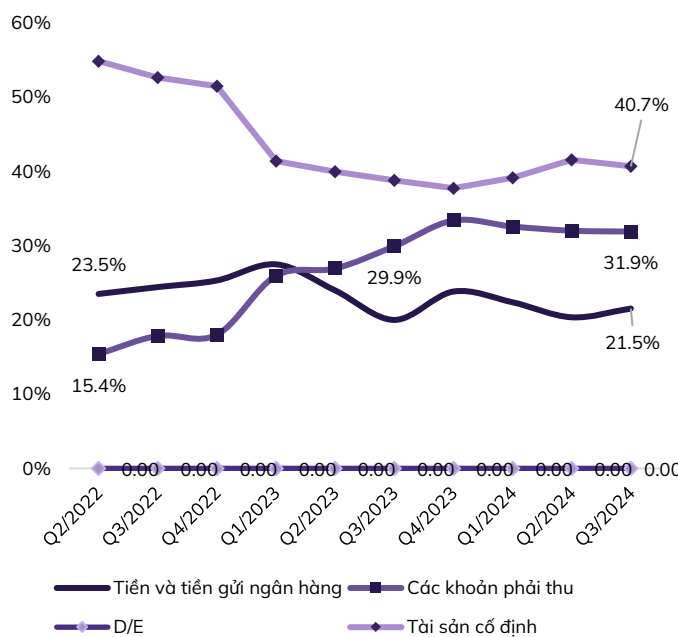
Kết quả kinh doanh tóm tắt	Q3/2024	Q3/2023	%svck	9T2024	9T2023	%svck	Nhận xét
Doanh thu thuần	81,6	91,4	-10,7%	315,2	340,0	-7,3%	Doanh thu thuần Q3/2024 đạt 81,6 tỷ đồng, giảm 10,7% svck mặc dù là mùa du lịch cao điểm do công ty phải điều chỉnh giảm 15% số chuyến khai thác do ảnh hưởng từ thời tiết cực đoan, mưa bão kéo dài.
Lợi nhuận gộp	9,0	19,3	-53,6%	85,3	115,5	-26,2%	Lũy kế 9T/2024 doanh thu thuần đạt 315,2 tỷ đồng, giảm 7,3% svck; lợi nhuận gộp giảm mạnh còn 85,3 tỷ đồng (-26,2% svck).
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	11,0%	21,1%		27,1%	34,0%		Biên lợi nhuận gộp giảm sút rõ rệt so với quý 3/2023 còn 11% (-11 điểm % svck).
Chi phí bán hàng	(10,1)	(10,7)	-5,3%	(33,1)	(34,9)	-5,2%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3,5)	(3,9)	-10,5%	(11,0)	(9,9)	10,9%	
<i>Chi phí BH&QLDN/DTT</i>	-16,7%	-15,9%		-14,0%	-13,2%		
Doanh thu hoạt động tài chính	2,1	5,6	-62,8%	10,6	13,3	-20,2%	Doanh thu hoạt động tài chính giảm svck do lãi tiền gửi có kỳ hạn giảm còn 8,3 tỷ đồng (-30% svck)
Chi phí tài chính	(0,0)	0,3	-104,2%	(0,0)	(0,0)	-46,7%	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	-		-	-		
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(2,6)	10,6	-124,2%	51,7	83,9	-38,4%	
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	(2,5)	10,6	-123,6%	52,2	89,9	-41,9%	
LNST cổ đông công ty mẹ	(3,1)	7,8	-139,6%	44,5	76,6	-41,8%	LNST của Cổ đông Công ty mẹ âm 3,1 tỷ đồng so với lãi ròng 7,8 cùng kỳ. Lũy kế 9T/2024, LNST chỉ đạt 44,5 tỷ đồng, giảm 42% so với cùng kỳ.
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	-3,8%	8,6%		14,1%	22,5%		

Nguồn: SKG, ABS Research

Bảng tài sản: Tăng trưởng các hạng mục (% so với đầu năm)

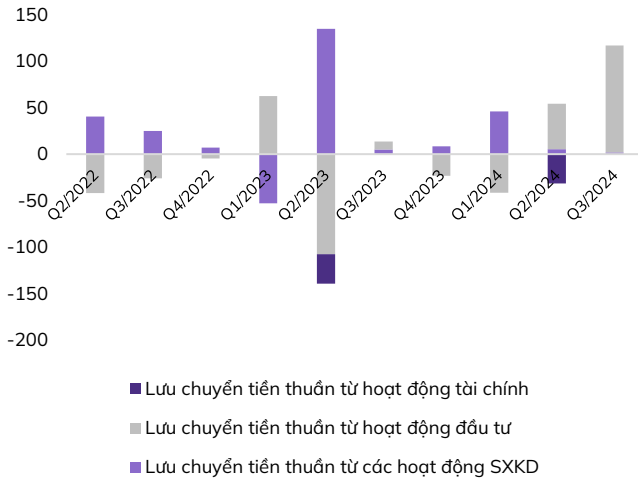


Bảng tài sản: Tỷ trọng các hạng mục so với Tổng tài sản (%)



Nguồn: SKG, ABS Research

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)



Nhận xét

Tình hình tài chính của SKG tương đối khỏe mạnh, cụ thể:

Cơ cấu tài sản:

- Lượng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng tương đối trong cơ cấu tài sản, tại ngày 30/9/2024 đạt 196 tỷ đồng (chiếm 21,5% TTS). Công ty đã trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông năm giữ năm 2023 với tỷ lệ là 5%. Ngoài ra, Công ty có lịch sử trả cổ tức khá thường xuyên với tỷ lệ cao nhất là 10%.
- Các khoản phải thu có xu hướng gia tăng trong 2 năm trở lại đây, trong đó chủ yếu là ứng trước theo hợp đồng cho đơn vị đóng tàu cho SKG là Kaibouk Shipyard với giá trị tại Q3/2024 là 219,7 tỷ đồng (+3% so với đầu năm, chiếm 32% TTS). Kaibouk Shipyard và ban lãnh đạo công ty này đang nắm giữ 40% số cổ phiếu của SKG.
- TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn 40,7% tổng tài sản, là đội tàu bao gồm 15 tàu cao tốc, 2 phà chuyên chở hành khách. Tại Q3/2024, TSCĐ hữu hình đạt giá trị 370 tỷ đồng (+9% so với đầu năm) do đầu tư 2 tàu.

Cơ cấu nguồn vốn: Công ty hiện tại không có nợ vay ngân hàng.

Nguồn: SKG, ABS Research

Đánh giá và Khuyến nghị

- Chúng tôi cho rằng triển vọng KQKD của SKG đến cuối năm 2024 là kém khả quan do yếu tố mùa du lịch cao điểm đã qua và tình hình thời tiết biến phức tạp. Do đó, chúng tôi giảm dự phóng LNST năm 2024 dự kiến còn 50 tỷ đồng (-28% so với dự báo 70 tỷ đồng trước đó). EPS và BVPS 2024F ước tính là 752 đ/cp và 13.516 đ/cp. ROE 2024F dự kiến đạt 5,62%.

PHỤ LỤC: BẢNG KQKD VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA SKG

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	304	167	410	409
Giá vốn hàng bán	238	180	314	289
Lợi nhuận gộp	66	(12)	95	120
Doanh thu tài chính	11	8	9	17
Chi phí tài chính	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	38	25	44	45
Chi phí QLDN	15	10	13	15
Lợi nhuận từ HĐKD	24	(40)	47	77
Lãi/lỗ khác	1	1,2	0,7	5,6
Lợi nhuận trước thuế	25	(39)	48	83
Lợi nhuận sau thuế	23	(39)	43	70
LNST cổ đông Công ty mẹ	23	(39)	43	70

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
LCT thuần từ HĐKD	70	9	93	95
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	1	17	(90)	(60)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(63)	(32)	0	(32)
LCT thuần trong kỳ	8	(6)	3	4
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	7	15	8	11
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	15	8	11	15

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	6,52	5,18	8,51	3,24
Khả năng thanh toán nhanh	3,67	2,25	1,16	0,72
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,49	0,35	0,44	0,45
Khả năng thanh toán lãi vay	-	-	-	-
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,50	0,35	0,30	0,29
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,09	0,12	0,07	0,11
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	-	-	-	-
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	32,08	32,98	33,29	32,62
Số ngày phải trả	10,47	12,18	13,21	16,89
Số ngày tồn kho	0,00	-	-	-
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	77,6%	77,7%	82,0%	75,9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	7,8%	-23,8%	11,5%	18,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	7,5%	-23,1%	10,5%	17,0%
ROE	46,0%	49,8%	48,2%	35,9%
ROA	42,9%	44,9%	43,5%	30,6%
ROIC	3,5%	3,6%	3,6%	4,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	15	8	11	15
+ Đầu tư ngắn hạn	165	114	206	199
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	92	126	154	300
+ Hàng tồn kho	28	28	29	29
+ Tài sản ngắn hạn khác	11	11	7	6
Tài sản ngắn hạn	311	287	408	549
+ Các khoản phải thu dài hạn	4	3	1	1
+ Tài sản cố định	529	492	442	339
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	14	1	1	1
+ Đầu tư dài hạn	14	20	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	13	8	6	7
Tài sản dài hạn	574	525	449	348
Tổng Tài sản	885	812	857	897
+ Vay ngắn hạn	0	0	0	0
+ Phải trả người bán	3	4	2	2
+ Nợ ngắn hạn khác	2	1	0	1
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	14	11	13	15
+ Vốn cổ phần	633	633	633	633
+ Thặng dư vốn cổ phần	11	11	11	11
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	218	147	190	228
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	871	801	844	882
Tổng cộng nguồn vốn	885	812	857	897

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng doanh thu	-7,4%	21,1%	1,4%	-17,2%
Tăng trưởng LNNT	-7,1%	21,2%	15,1%	-18,4%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	17,5%	19,4%	8,0%	-54,8%
Tăng trưởng EPS	-8,1%	21,4%	-30,8%	-27,1%
Tăng trưởng VCSH	0,7%	0,0%	74,5%	0,5%
Tăng trưởng Tổng tài sản	2,0%	29,4%	9,9%	9,5%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023
P/E	20,59	7,99	10,37	16,63
P/B	8,94	3,63	4,92	6,21
EV/EBITDA	17,18	6,72	9,71	14,62
EV/Sales	13,06	5,03	7,81	10,94
EPS (đồng/cp)	7.615	9.241	6.393	4.661
BVPS (đồng/cp)	17.532	20.323	13.474	12.473

Nguồn: Fiinpro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiểu Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn